

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2622 /UBND-KT
V/v phê duyệt thông số kỹ thuật của
nhóm mua sắm tập trung năm 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2017

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

Số: _____
ĐẾN Ngày: 09.5.17

VP. UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
Số: 244	ĐẾN
Ngày: 05	Ngày: 05
Chuyển xử lý: A. Dũng	
Xem đề biết:	
Lưu hồ sơ số:	

Kính gửi:

- Sở Tư pháp;
- Sở, ban, ngành thành phố;
- Ủy ban nhân dân các quận – huyện;
- Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản.

Xét đề nghị của Sở Tư pháp tại Công văn số 3589/STP-BTTP ngày 27 tháng 4 năm 2017 về việc phê duyệt thông số kỹ thuật của nhóm mua sắm tập trung năm 2017, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo như sau:

1. Chấp thuận đề xuất của Sở Tư pháp về cấu hình cơ bản theo nhóm danh mục của 03 loại sản phẩm là: máy vi tính để bàn, máy photocopy, máy lạnh theo Phụ lục đính kèm.

2. Theo cấu hình cơ bản của nhóm danh mục về máy vi tính để bàn, máy điều hòa không khí và máy photocopy, các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện khẩn trương đăng ký nhu cầu mua sắm tập trung năm 2017 của đơn vị mình, gửi về Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản để thực hiện theo đúng quy trình quy định tại Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế về mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đối với các đơn vị có yêu cầu về cấu hình, thông số kỹ thuật của máy vi tính để bàn, máy điều hòa không khí, máy photocopy mang tính chất đặc thù riêng (cơ sở y tế, lực lượng vũ trang nhân dân,...) để phục vụ cho hoạt động của đơn vị mình và không thể đăng ký mua theo nhóm danh mục đã được tổng hợp chung thì có văn bản đề xuất gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTUB: CT, PCT/KT;
- VPUB: CVP, PVP/KT;
- Phòng KT;
- Lưu: VT, (KT/Cg).1/0



Trần Vĩnh Tuyên

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911

THE YEAR 1911



Phụ lục 1

CẤU HÌNH CƠ BẢN NHÓM DANH MỤC: MÁY TÍNH ĐỂ BÀN

(Ban hành kèm theo Công văn số ~~2622~~ /UBND-KT ngày 05 tháng 5 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mức giá tham khảo hiện tại (VNĐ)	Công dụng và chức năng tham khảo
Máy 1	MÁY BỘ DUAL CORE: - CPU: ≥ Intel Pentium Dual Core, 3.3GHz, 3MB. - Mainboard: ≥ Chipset Intel.(Synchronous computer brand). - RAM: ≥ 2GB. - HDD: ≥ 500GB SATA 6Gb/s, 7200rpm. - Graphics: ≥ Intel HD Graphics - CASE+Nguồn: ≥ 650WATX, (Synchronous computer brand). - Màn hình LED ≥ 18.5", kích thước đủ, 1600*900. (Synchronous computer brand) - Keyboard+Optical Mouse: USB port. (Synchronous computer brand) - UPS: 0.5KVA (tùy chọn) - OS : free Dos	7.000.000 - 10.000.000	
Máy 2	MÁY BỘ CORE I3: - CPU: ≥ Intel® Core I3, 3.7 GHz, 3MB - Mainboard: ≥ Chipset Intel.(Synchronous computer brand) - RAM: ≥ 2GB. - HDD: ≥ 500GB SATA 6Gb/s, 7200rpm. - Graphics: ≥ Intel HD Graphics - ODD: DVD Liteon - CASE+Nguồn: ≥ 650WATX.(Synchronous computer brand). - Màn hình LED ≥ 18.5", kích thước đủ, 1600*900. (Synchronous computer brand) - Keyboard+Optical Mouse: USB port.(Synchronous computer brand) - UPS: 0.5KVA - OS: Free Dos	>10.000.000 - 11.500.000	
Máy 3	MÁY BỘ CORE I5: - CPU: ≥ Intel® Core I5, 2.7GHz, 6MB. - Mainboard: ≥ Chipset Intel.(Synchronous computer brand) - RAM: ≥ 4GB - HDD: ≥ 500GB, SATA 6Gb/s, 7200rpm. - Graphics: ≥ Intel HD Graphics - ODD: DVD Liteon - CASE+Nguồn: ≥ 650WATX, (Synchronous computer brand). - Màn hình LED ≥ 18.5", kích thước đủ, 1600*900. (Synchronous computer brand)	>11.500.000 - 13.000.000	

STT	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mức giá tham khảo hiện tại (VNĐ)	Công dụng và chức năng tham khảo
	- Keyboard+Optical Mouse: USB port. (Synchronous computer brand) - UPS: 0.5KVA - OS: Free Dos		

Ghi chú: Toàn bộ máy tính để bàn được sản xuất đồng bộ và phải được đăng ký thương hiệu và bảo hộ theo quy định của pháp luật Việt Nam, hoặc đã được đăng ký và hoàn tất các yêu cầu, điều kiện để cung cấp sản phẩm, dịch vụ (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



Phụ lục 2

CAU HÌNH CƠ BẢN NHÓM DANH MỤC: MÁY ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

Ban hành kèm theo Công văn số ~~2622~~ /UBND-KT ngày 05 tháng 5 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mức giá tham khảo hiện tại (VNĐ)	Công dụng và chức năng tham khảo
Máy 1	Máy điều hoà nhiệt độ, 2 mảnh loại treo tường Non-Inverter, 1.0HP - Công suất lạnh (Btu/h): $\geq 9,000$ - Công suất tiêu thụ danh định (W): ≤ 799 - Chỉ số EER: ≥ 3.3 - Lưu lượng quạt dàn lạnh (m³/h): $\geq 599/468/370$. - Độ ồn dàn lạnh, (Cao/Thấp): $\leq 41.5/28.5$ dB(A). - Nguồn điện (V/Ph/Hz): 220-240V/1/50Hz - Môi chất lạnh: R410A - Dàn nóng và dàn lạnh ống đồng.	6.000.000 - 8.000.000	Phòng 15 m ² trở xuống (dưới 45 m ³)
Máy 2	Máy điều hoà nhiệt độ, 2 mảnh loại treo tường Non-Inverter, 1.5HP - Công suất lạnh (Btu/h): $\geq 12,000$ - Công suất tiêu thụ danh định (W): $\leq 1,172$ - Chỉ số EER: ≥ 3.0 - Lưu lượng quạt dàn lạnh (m³/h): $\geq 549/488/348$ - Độ ồn dàn lạnh, (Cao/Thấp): $\leq 41/28.9$ dB(A) - Nguồn điện (V/Ph/Hz): 220-240V/1/50Hz - Môi chất lạnh: R410A - Dàn nóng và dàn lạnh ống đồng.	>8.000.000- 10.000.000	Phòng 15 m ² đến 20 m ² (dưới 60 m ³)
Máy 3	Máy điều hoà nhiệt độ, 2 mảnh loại treo tường Non-Inverter, 2.0 HP - Công suất lạnh (Btu/h): $\geq 18,000$ - Công suất tiêu thụ danh định (W): $\leq 1,654$ - Chỉ số EER: ≥ 3.1 - Lưu lượng quạt dàn lạnh (m³/h): $\geq 794/651/530$ - Độ ồn dàn lạnh, (Cao/Trung bình/Thấp) $\leq 44/39/36.5$ dB(A) - Nguồn điện (V/Ph/Hz): 220-240V/1/50Hz - Môi chất lạnh: R410A - Dàn nóng và dàn lạnh ống đồng.	>12.000.000- 14.000.000	Phòng trên 20 m ² đến 30 m ² (dưới 90 m ³)
Máy 4	Máy điều hoà nhiệt độ 2 mảnh loại treo tường Inverter, 1.0 HP - Công suất lạnh (Btu/h): ≥ 9000 - Công suất điện (W): ≤ 1015 - Hiệu suất năng lượng EER (W/W): ≥ 2.6 - Dòng điện hoạt động (A) : 4.4 - Nguồn điện (V/Ph/Hz): 220V-240/1/50Hz, 1Ph - Lưu lượng gió (m³/h) ≥ 551 - Sử dụng GAS: R22 - Dàn nóng và dàn lạnh ống đồng.	> 10.000.000 - 12.000.000	Phòng 15 m ² trở xuống (dưới 45 m ³)

STT	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mức giá tham khảo hiện tại (VNĐ)	Công dụng và chức năng tham khảo
Máy 5	Máy điều hòa nhiệt độ 2 mảnh loại treo tường Inverter, 1.5 HP - Công suất lạnh (Btu/h): ≥ 12000 - Công suất điện (W): ≤ 1220 - Hiệu suất năng lượng EER (W/W): ≥ 3.5 - Dòng điện hoạt động (A) : 5.4 - Nguồn điện (V/Ph/Hz): 220V-240/1/50Hz, 1Ph - Lưu lượng gió (m ³ /h) ≥ 700 - Sử dụng GAS: R410a/780G - Dàn nóng và dàn lạnh ống đồng.	> 13.000.000 - 15.000.000	Phòng 15 m ² đến 20 m ² (dưới 60 m ³)
Máy 6	Máy lạnh 2 mảnh loại treo tường Inverter, 2.0HP - Công suất lạnh (Btu/h): ≥ 18000 - Công suất điện (W): ≤ 1700 - Hiệu suất năng lượng EER (W/W): ≥ 3.5 - Dòng điện hoạt động (A) : 7.2 - Nguồn điện (V/Ph/Hz): 220V-240/1/50Hz, 1Ph - Lưu lượng gió (m ³ /h) ≥ 1000 - Sử dụng GAS: R410a/1210G - Dàn nóng và dàn lạnh ống đồng.	>19.000.000 - 21.000.000	Phòng trên 20 m ² đến 30 m ² (dưới 90 m ³)
Máy 7	Máy lạnh 2 mảnh loại treo tường Inverter, 2.5HP - Công suất lạnh (Btu/h): ≥ 24000 - Công suất điện (W): ≤ 2100 - Hiệu suất năng lượng EER (W/W): ≥ 2.76 - Dòng điện hoạt động (A) : 9.5 - Nguồn điện (V/Ph/Hz): 220V-240/1/50Hz, 1Ph - Hệ số trao đổi gió (CHM Max): ≥ 110 - Lưu lượng gió (m ³ /h) ≥ 1000 - Sử dụng GAS: R410a/1210G - Dàn nóng và dàn lạnh ống đồng.	> 26.000.000 - 30.000.000	Phòng trên 30 m ² tới 40 m ² (dưới 120 m ³)

Ghi chú: Toàn bộ máy điều hòa không khí được sản xuất đồng bộ và phải được đăng ký thương hiệu và bảo hộ theo quy định của pháp luật Việt Nam, hoặc đã được đăng ký và hoàn tất các yêu cầu, điều kiện để cung cấp sản phẩm, dịch vụ (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

BẢNG GIÁ THAM KHẢO CHI PHÍ VẬT TƯ VÀ LẮP ĐẶT

DIỄN GIẢI	C.SUẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ		
1. Công lắp đặt	1,0 - 1,5 Hp	bộ	200.000	Tùy theo mức độ phức tạp của vị trí lắp đặt, giá có thể thay đổi		
	2,0 - 2,5 Hp	bộ	250.000			
2. Ống đồng dẫn Gas loại tốt (Made in ThaiLan)	Độ dày ống		0.56 mm	0.65 mm	0.71 mm	0.81 mm
	1,0 Hp	mét	110.000 VNĐ	130.000 VNĐ	150.000 VNĐ	190.000 VNĐ
	1,5 Hp	mét	130.000 VNĐ	150.000 VNĐ	170.000 VNĐ	210.000 VNĐ
	2,0 Hp	mét	150.000 VNĐ	180.000 VNĐ	200.000 VNĐ	240.000 VNĐ
	2,5 Hp	mét		220.000 VNĐ	250.000 VNĐ	
3. Giá đỡ (Eke chuyên dụng)	1,0 Hp	bộ	110.000 VNĐ	Eke chuyên dụng (Đã bao gồm Tắc kê + Đinh ốc vít)		
	2,0 - 2,5 Hp	bộ	150.000 VNĐ			
4. CB thường	1,0 - 1,5 Hp	bộ	75.000 VNĐ			
	2,0 - 2,5 Hp	bộ	95.000 VNĐ			
5. Dây điện	1.0 - 1.5 Hp	mét	10.000 VNĐ			
	2,0 - 2,5 Hp	mét	12.000 VNĐ			
6. Ống ruột gà		mét	10.000 VNĐ			
7. Chân cao su		bộ	60.000 VNĐ	Sử dụng cho trường hợp máy ko sử dụng Eke		
8. Hút chân không (Nếu có)		bộ	50.000 VNĐ	Đối với dòng máy lạnh inverter nếu sử dụng máy hút chân không khi lắp đặt		
9. Hàn kết nối (Nếu có)		bộ	80.000 VNĐ	Đối với trường hợp ống đồng đi âm trần		
10. Vệ sinh máy lạnh		bộ	150.000 VNĐ	Tùy theo mức độ phức tạp giá có thể thay đổi		
11. Tháo máy lạnh cũ (Nếu có)		bộ	100.000 VNĐ			



Phụ lục 3

CẤU HÌNH CƠ BẢN NHÓM DANH MỤC: MÁY PHOTOCOPY

(Ban hành kèm theo Công văn số 2622/UBND-KT ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mức giá tham khảo hiện tại (VNĐ)	Công dụng và chức năng tham khảo
Máy 1	- Tốc độ sao chụp ≥ 25 bản/phút - Khổ giấy sao chụp: A3,A4,A5. - Sao chụp liên tục: ≥ 99 tờ - Độ phân giải: ≥ 600 dpi - Thu/ Phóng: 25% - 200% - Cổng kết nối: RJ 45 - Tính năng in/scan mạng - khay tay: ≥ 100 tờ - khay giấy vào: 2 khay - Vật tư tiêu hao: sử dụng cụm vật tư (Mực, Tủ riêng) - Đảo mặt bản gốc - Đảo mặt bản sao - Bộ nhớ Ram: ≥ 128 MB - Màn hình điều khiển: LCD hiển thị 4 dòng	50.000.000 - 60.000.000	Máy photocopy văn phòng để copy và in ấn giấy tờ, văn bản, hồ sơ, bằng cấp... với khối lượng và tốc độ thấp
Máy 2	- Tốc độ sao chụp ≥ 35 bản/phút - Khổ giấy sao chụp: A3,A4,A5,A6,B4,B5,B6 - Có tính năng in/scan - Sao chụp liên tục: ≥ 999 tờ - Độ phân giải: ≥ 600 dpi - Thu/ Phóng: 25% - 400% tăng từng 1% - khay tay: ≥ 100 tờ - khay giấy vào: 2 khay - Bộ nhớ Ram: ≥ 2GB - Ổ cứng: ≥ 320 GB - Đảo mặt bản gốc - Đảo mặt bản sao - Tốc độ scan trắng đen/màu: ≥ 110 bản/phút - Vật tư tiêu hao: sử dụng cụm vật tư (Mực, Tủ riêng). - Màn hình điều khiển: LCD cảm ứng	>60.000.000 - 75.000.000	Máy photocopy văn phòng để copy và in ấn giấy tờ, văn bản, hồ sơ, bằng cấp... với khối lượng và tốc độ trung bình
Máy 3	- Tốc độ sao chụp ≥ 40 bản/phút - Khổ giấy sao chụp: A3,A4,A5,A6,B4,B5,B6 - Có tính năng in/scan - Sao chụp liên tục: ≥ 999 tờ - Độ phân giải: ≥ 600 dpi - Thu/ Phóng: 25% - 400% tăng từng 1% - khay tay: ≥ 100 tờ - khay giấy vào: 2 khay - Đảo mặt bản gốc - Đảo mặt bản sao - Bộ nhớ Ram: ≥ 2GB	>75.000.000 - 90.000.000	Máy photocopy văn phòng để copy và in ấn giấy tờ, văn bản, hồ sơ, bằng cấp... với khối lượng và tốc độ cao

STT	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mức giá tham khảo hiện tại (VNĐ)	Công dụng và chức năng tham khảo
	- Ổ cứng: ≥ 320 GB - Tốc độ scan trắng đen/màu: ≥ 110 bản/phút - Vật tư tiêu hao: sử dụng cụm vật tư (Mực, Tủ riêng). - Màn hình điều khiển: LCD cảm ứng		

Ghi chú: Toàn bộ máy photocopy được sản xuất đồng bộ và phải được đăng ký thương hiệu và bảo hộ theo quy định của pháp luật Việt Nam, hoặc đã được đăng ký và hoàn tất các yêu cầu, điều kiện để cung cấp sản phẩm, dịch vụ (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ